

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST
Ngày 06 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh

Bà Trần Thị Kim Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST- DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N

Địa chỉ: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T (Theo giấy ủy quyền số 2665/QĐ-NHNN-PC ngày 01/12/2022), vắng mặt.

* Người được ủy quyền lại: Ông Lại Việt H1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T (Theo giấy ủy quyền số 353/UQ-TA ngày 11/4/2024), có mặt.

Địa chỉ: Phố M, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh G, sinh năm 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lê Thị H2**, sinh năm 1981, vắng mặt.

Địa chỉ: **Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.**

- Anh **Phạm Minh Đ**, sinh năm 2000, vắng mặt.

- Chị **Phạm Thị Thu H3**, sinh năm 2003, vắng mặt.

Đều địa chỉ: **Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông **Lại Việt HI** trình bày: Ngày 27/4/2020 **Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T** (viết tắt là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng tín dụng số 2807-LAV-2020001283 với ông **Phạm Thanh G**, theo đó Ngân hàng cho ông **G** vay vốn với hạn mức cho vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 27/4/2020; lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả bằng 10%/năm; mục đích vay là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.

Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất số BM 082492 đứng tên ông **Phạm Thanh G** và toàn bộ tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2807-LCL-201900899/HĐTC ngày 08/4/2019, được ký kết giữa bên thế chấp là ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** với bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 444m² đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 294.2, tờ bản đồ số 16 tại **thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 082492, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH0259/QSDĐ/7827/QĐ-UBND do **Ủy ban nhân dân huyện T** cấp ngày 09/10/2012 đứng tên ông **Phạm Thanh G**. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được **Văn phòng C**, tỉnh Vĩnh Phúc công chứng ngày 08/4/2019 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại **Văn phòng Đ1 chi nhánh T** ngày 09/4/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông **G** đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 29.202.740 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên nên khoản vay đã bị chuyển quá hạn từ ngày 28/4/2021.

Tính đến hết ngày 06/9/2024 ông **G** còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 450.662.876 đồng; trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 112.333.972 đồng, nợ lãi quá hạn 38.328.904 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho ông **G** thanh toán trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông **G** đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nay Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** phải trả Ngân hàng tổng số tiền

tính đến hết ngày 06/9/2024 là 450.662.876 đồng; trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 112.333.972 đồng, nợ lãi quá hạn 38.328.904 đồng. Ông **G**, bà **H2** và anh **Đ** tiếp tục phải trả tiền lãi với mức lãi suất 16,5%/năm (tức là 150% lãi suất trong hạn) đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 07/9/2024 cho đến khi ông **G**, bà **H2** và anh **Đ** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp ông **G**, bà **H2** và anh **Đ** không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của ông **G**, bà **H2** và anh **Đ** tại Ngân hàng, thì ông **G**, bà **H2** và anh **Đ** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

*Bị đơn, ông **Phạm Thanh G** tại bản tự khai ngày 12/4/2024 trình bày:* Ngày 27/4/2020 ông ký kết hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T** để vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe ô tô và sửa chữa nhà, thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay được quy định cụ thể trong hợp đồng tín dụng. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông cùng bà **Lê Thị H2** và con là anh **Phạm Minh Đ** đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là thửa đất số 294.2, tờ bản đồ số 16 tại **thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** và toàn bộ tài sản trên đất.

Quá trình vay nợ, do điều kiện kinh tế khó khăn, ông chưa có điều kiện trả nợ Ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông phải trả nợ toàn bộ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng, trường hợp không trả được thì phát mãi tài sản thế chấp. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn, ông đề nghị Ngân hàng kéo dài thời gian trả nợ và miễn một phần lãi suất cho ông.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà **Lê Thị H2**, tại bản tự khai ngày 05/4/2024, trình bày:* Ngày 27/4/2020 ông **Phạm Thanh G** ký kết hợp đồng tín dụng với **Ngân hàng N** để vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay là sửa chữa nhà mua và xe ô tô, thời hạn vay là 36 tháng. Để bảo đảm cho khoản vay trên, bà cùng ông **G** và con trai là anh **Phạm Minh Đ** đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay trên, tài sản thế chấp là thửa đất số 294.2, tờ bản đồ số 16, diện tích 444m² tại **thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** và toàn bộ tài sản trên đất.

Quá trình vay nợ, do kinh tế khó khăn, nên ông, bà chưa có điều kiện trả nợ Ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông, bà và cháu **Đ** phải trả nợ Ngân hàng toàn bộ số tiền vay và lãi suất, trường hợp không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp, bà đề nghị Ngân hàng kéo dài thời gian trả nợ và miễn một phần lãi suất cho ông, bà.

Đối với anh **Phạm Minh Đ** và chị **Phạm Thị Thu H3**, quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N**, buộc ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** phải trả cho **Ngân hàng N** tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 06/9/2024 là 450.662.876 đồng; trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 112.333.972 đồng, nợ lãi quá hạn 38.328.904 đồng. Kể từ ngày 07/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất 16,5%/năm.

Trường hợp ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng N** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2807-LCL-201900899/HĐTC ngày 08/4/2019 để thu hồi nợ cho **Ngân hàng N** theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho **Ngân hàng N** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** phải chịu án phí theo quy định pháp luật. **Ngân hàng N** không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng N** khởi kiện yêu cầu ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** phải trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, mục đích vay để mua xe ô tô và sửa chữa nhà, nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông **Phạm Thanh G** và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà **Lê Thị H2**, anh **Phạm Minh Đ** và chị **Phạm Thị Thu H3** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thể hiện, ông **Phạm Thanh G** và bà **Lê Thị H2** đã ly hôn, bà H2 hiện sinh sống tại nhà mẹ đẻ ở thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện nay ngoài ông G và anh Đ, còn có chị **Phạm Thị Thu H3** là con chung của ông G và bà H2 đang sinh sống trên nhà, đất thế chấp nên hội đồng xét xử xác định chị H3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Về nội dung vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 2807-LAV-2020001283 ngày 27/4/2020, được giao kết giữa các bên có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự, đúng quy định tại các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự, nên hợp đồng tín dụng trên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông **Phạm Thanh G** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến hết ngày 06/9/2024 ông G còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 450.662.876 đồng; trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 112.333.972 đồng, nợ lãi quá hạn 38.328.904 đồng.

Đối với nghĩa vụ trả nợ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ**, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 2807-LAV-2020001283 ngày 27/4/2020 được ký kết giữa Ngân hàng với ông **Phạm Thanh G** với mục đích mua xe ô tô và sửa chữa nhà ở, trước thời điểm ông G ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, bà H2 và anh Đ đã có giấy ủy quyền cho ông G được thay mặt bà H2, anh Đ xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại **Ngân hàng N chi nhánh huyện T**, khoản vay có tài sản bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 2807-LCL-201900899/HĐTC ngày 08/4/2019, được ký kết giữa bên thế chấp là ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2**, anh **Phạm Minh Đ** với bên nhận thế chấp là Ngân hàng. Quá trình vay nợ ông G và bà H2 đang tồn tại quan hệ hôn nhân và đang chung sống cùng nhau, mục đích vay vốn là để phục vụ chung trong gia đình, nên bà H2 và anh Đ phải chịu trách nhiệm liên đới cùng ông G trả nợ đối với khoản vay trên. Do đó, việc ông G, bà H2 và anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là vi phạm thỏa

thuận trong Hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông **G** và bà **H2** đều đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện giãn thời gian trả nợ và miễn một phần lãi suất; tuy nhiên Ngân hàng không đồng ý, nên ý kiến của ông **G** và bà **H2** không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là nghĩa vụ chung của ông **G**, bà **H2** và anh **Đ**, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông **G**, bà **H2** và anh **Đ** phải trả Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 06/9/2024 là 450.662.876 đồng; trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 112.333.972 đồng, nợ lãi quá hạn 38.328.904 đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất kể từ ngày 07/9/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm): Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 2807-LAV-2020001283 ngày 27/4/2020 và Giấy nhận nợ ngày 27/4/2020 quy định lãi suất vay 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả 10%/năm; Lãi suất trong hạn hiện tại là 11%/năm. Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu ông **G**, bà **H2** và anh **Đ** phải chịu lãi suất đối với nợ gốc chậm trả là 16,5%/năm như thỏa thuận trong hợp đồng. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2807-LCL-201900899/HĐTC ngày 08/4/2019, được **Văn phòng C**, tỉnh Vĩnh Phúc công chứng ngày 08/4/2019 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại **Văn phòng Đ1 chi nhánh T, tỉnh Vĩnh Phúc** ngày 09/4/2019. Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên phát sinh hiệu lực. Trình tự, thủ tục thế chấp tài sản của các bên đúng quy định tại Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông **G**, bà **H2** và anh **Đ** không trả được nợ cho Ngân hàng là phù hợp cần chấp nhận.

[3.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự để xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 294.2, tờ bản đồ số 16, tại **thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** và toàn bộ tài sản trên đất; tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhiều lần không có mặt ở thửa đất và đóng cửa nên không thể tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Tòa án tiến hành xác minh tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện T** thể hiện nguồn gốc thửa đất do ông **Phạm Thanh G** nhận tặng cho từ bố đẻ là ông **Phạm Thanh S**, địa phương không nhận được đơn thư, khiếu nại hay tranh chấp gì liên quan đến thửa đất trên. Do

vậy khi xử lý đối với tài sản thế chấp, Cơ quan Thi hành án căn cứ vào các tài sản thế hiện tại Hợp đồng thế chấp và số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm thi hành án để kê biên đối với tài sản.

[4] Về án phí: Ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 295, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng N** đối với ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ**.

Buộc ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** phải trả cho **Ngân hàng N** tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 06/9/2024 là 450.662.876 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng*); trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 112.333.972 đồng, nợ lãi quá hạn 38.328.904 đồng

Kể từ ngày 07/9/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất 16,5%/năm.

Trường hợp ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng N** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2807-LCL-201900899/HĐTC ngày 08/4/2019 để thu hồi nợ cho **Ngân hàng N** theo quy định của pháp luật. Việc xử lý tài sản thế chấp theo số liệu đo đạc và tài sản thực tế mà Cơ quan Thi hành án kê biên tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp, sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho **Ngân hàng N** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Phạm Thanh G**, bà **Lê Thị H2** và anh **Phạm Minh Đ** phải chịu 22.027.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Ngân hàng N không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.330.000 đồng (*Mười triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006937 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh